TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/09/2024
"V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường, ông Nguyễn Tiến Tịnh
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXX-ST ngày 09/9/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-DS ngày 23/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Đ, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hùng T, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Trần Thị Đ (nguyên đơn) trình bày:* Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Hùng T kết hôn với nhau vào ngày 04/01/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc.Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoa H, sinh ngày 04/01/2012. Trong quá trình chung sống, ban đầu hạnh phúc, từ năm 2014 anh, chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến bạo lực gia đình; cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung nên không thể cứu vãn được nữa. Chị Đ anh T ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện tại chị Đ không còn tình

cảm gì với anh T nữa. Vì vậy chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hùng T.

- Về con chung: Chị Đ có nguyện vọng để anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Hoa H, sinh ngày 04/01/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Hùng T lên làm việc nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Biên bản xác minh ngày 03/7/2024 tại Công an xã Đ, huyện Đ thể hiện: Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T, tuy nhiên anh T từ chối nhận văn bản tố tụng, tòa án đã tiến hành lập biên bản không tống đạt được văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do anh T cố tình vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Trần Thị Đ đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn anh Nguyễn Hùng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Hùng T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Hoa H, sinh ngày 04/01/2012 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Hùng T, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Hùng T đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên quan điểm của mình. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Các bên có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, giấy chứng nhận kết hôn số 007/2013 ngày 04/11/2013 được đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Do đó, hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp quy tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, anh T, chị Đ đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích. Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh T tại chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: Cuộc sống hôn nhân chị Đ và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ lâu, chị Đ đi làm ăn xa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Đ.

2.2. Về nuôi con chung: Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H thì tại biên bản làm việc ngày 23/8/2024, Tòa án đến nhà anh T để tiến hành lấy lời khai của cháu H về nguyện vọng của cháu muốn ở với ai. Tuy nhiên, anh T không cho Tòa án gặp cháu, hiện cháu đang ở cùng với anh T kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Hoa H, sinh ngày 04/01/2012 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp để tránh làm ảnh hưởng, xáo trộn cuộc sống của cháu.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Hùng T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hoa H, sinh ngày 04/01/2012 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005914 ngày 19/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng